

**.TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:115/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Lê Thị Ký

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang

Ông Lộc Văn Bậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 644/2020/TLST- HNGĐ ngày 24/8/2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 1, ấp C, xã C, huyện T, Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp C, xã C, huyện T, Đồng Nai.

(bà L, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Hồ Văn T chung sống với nhau từ năm 1993, đến năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống không hạnh phúc do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, ông T thường hay đánh đập, chửi mắng hành hung, xúc phạm vợ con, không lo làm ăn gánh vác gia đình. Từ đó giữa bà và các con bà luôn mâu thuẫn với ông T làm ảnh hưởng đến hàng xóm. Nay vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân ngọt ngào nên bà xin ly hôn ông Hồ Văn T.

Về con chung: Có 08 con chung tên là:

- + Hồ Văn D, sinh năm 1994;
- + Hồ Thị S, sinh ngày 29/10/1996;
- + Hồ Văn Q, sinh ngày 12/3/1999;
- + Hồ Thị Tuyết M, sinh ngày 17/5/2000;
- + Hồ Mai Trúc L1, sinh ngày 07/6/2003;
- + Hồ Mai Trúc N, sinh ngày 20/10/2005;
- + Hồ Thị Bích T1, sinh ngày 03/9/2007;
- + Hồ Thị Thủy T2, sinh ngày 25/2/2014;

Ly hôn, bà xin chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Hồ Mai Trúc L1, Hồ Mai Trúc N, Hồ Thị Bích T1. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà đồng ý giao cháu Hồ Thị Thủy T2 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Riêng các cháu Hồ Văn D, Hồ Thị S, Hồ Văn Q, Hồ Thị Tuyết M đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Văn T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L, chung sống với nhau từ năm 1993, đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T (nay là T), tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế, cách giáo dục con, bất đồng trong việc sắm sửa, mua bán các đồ đạc, đất đai. Do bất đồng với vợ con, các con ông cũng có lời lẽ xúc phạm đến ông. Ông thừa nhận vợ chồng có xô sát, ông có đánh vợ. Nay ông thừa nhận có nóng nảy, đã xin lỗi và hứa sửa chữa nên bà L xin ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Ông thừa nhận có 08 người con chung như bà L trình bày. Trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao các cháu Hồ Mai Trúc L1, Hồ Mai Trúc N, Hồ Thị Bích T1 cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông xin chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hồ Thị Thủy T2. Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Riêng các cháu Hồ Văn D, Hồ Thị S, Hồ Văn Q, Hồ Thị Tuyết M đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L. Về con chung: Giao cháu Hồ Mai Trúc L1, Hồ Mai Trúc N, Hồ Thị Bích T1 cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Hồ Thị Thủy T2 cho ông

T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Riêng các cháu Hồ Văn D, Hồ Thị S, Hồ Văn Q, Hồ Thị Tuyết M đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Bà L, ông T khai không có nên không xem xét. Bà L phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L, ông T kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Nay bà L xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về nội dung: Bà L trình bày, vợ chồng bà sống không hạnh phúc do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, ông T thường hay đánh đập, chửi mắng hành hung, xúc phạm vợ con, không lo làm ăn gánh vác gia đình. Từ đó giữa bà và các con bà luôn mâu thuẫn với ông T làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân ngột ngạt nên bà xin ly hôn ông Hồ Văn T. Ông T cũng thừa nhận vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế, cách giáo dục con, bất đồng trong việc sắm sửa, mua bán các đồ đạc, đất đai. Do bất đồng với vợ con, con ông cũng có lời lẽ xúc phạm đến ông. Tại biên bản xác minh ngày 08/9/2020, thể hiện vợ chồng bà L ông T có mâu thuẫn. Như vậy, vợ chồng bà L, ông T mâu thuẫn đã trầm trọng, bà L xác nhận không còn tình cảm với ông T và cương quyết xin ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L, cho bà L ly hôn ông T vì hàn gắn vợ chồng cũng không hạnh phúc.

[4] Về con chung: Có 08 con chung tên là:

- + Hồ Văn D, sinh năm 1994;
- + Hồ Thị S, sinh ngày 29/10/1996;
- + Hồ Văn Q, sinh ngày 12/3/1999;
- + Hồ Thị Tuyết M, sinh ngày 17/5/2000;
- + Hồ Mai Trúc L1, sinh ngày 07/6/2003;
- + Hồ Mai Trúc N, sinh ngày 20/10/2005;
- + Hồ Thị Bích T1, sinh ngày 03/9/2007;
- + Hồ Thị Thủy T2, sinh ngày 25/02/2014;

Bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Hồ Mai Trúc L1, Hồ Mai Trúc N, Hồ Thị Bích T1 và đồng ý giao cháu Hồ Thị Thủy T2 cho ông T chăm

sóc, nuôi dưỡng. Ông T cũng thống nhất ý kiến của bà L về con chung, do vậy, cần giao cháu Hồ Mai Trúc L1, Hồ Mai Trúc N, Hồ Thị Bích T1 cho bà L; giao cháu Hồ Thị Thủy T2 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Riêng các cháu Hồ Văn D, Hồ Thị S, Hồ Văn Q, Hồ Thị Tuyết M đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Các bên khai không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Loan đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005659 ngày 27/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Hồ Văn T.

+ Về con chung: Giao các cháu Hồ Mai Trúc L1, sinh ngày 07/6/2003, Hồ Mai Trúc N, sinh ngày 20/10/2005, Hồ Thị Bích T1, sinh ngày 03/9/2007 cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Giao cháu Hồ Thị Thủy T2, sinh ngày 25/02/2014 cho ông Hồ Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Vì không trực tiếp nuôi con nên các bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà L, ông T khai không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005659 ngày 27/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bà L, ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- UBND xã C, huyện T (số 62 ngày 06/02/2002).
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ký